Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9016.00.00

Mã HS	9016.00.00
Mô tả hàng hóa	Cân với độ nhậy 5cg (50mg) hoặc chính xác hơn, có hoặc không có quả cân
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 19:11:57
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90160000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18055
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18055
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18055
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17367
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17296
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17296
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17296
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17296
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17296
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17296
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17352
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17352

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17352
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17352
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17352
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17352
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17353
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17353
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17353
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17353
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17353
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17353
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17358
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17314
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17310
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17310
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17310
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17310
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17310
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17310
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17356
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17356
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17356
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17356
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17356
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17356
VCFTA	2022	2022	2	VC!D17418
VCFTA	2023	2023	1	VC!E17418

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17418
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17418
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17418
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17418
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17394
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17394
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17394
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17394
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17394
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17394
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17389
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17389
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17389
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17389
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17389
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17389
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D17419
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17419
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17419
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17419
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17419
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17419
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D17418
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17418
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17418
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17418

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17418
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17418
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17512
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17512
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17512
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17512
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17512
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17512
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17512
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17381
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17381
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17381
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17381
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17381
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17381
RCEP B	2022	2022	0	B!D17381
RCEP B	2023	2023	0	B!E17381
RCEP B	2024	2024	0	B!F17381
RCEP B	2025	2025	0	B!G17381
RCEP B	2026	2026	0	B!H17381
RCEP B	2027	2027	0	B!I17381
RCEP C	2022	2022	0	C!D17379
RCEP C	2023	2023	0	C!E17379
RCEP C	2024	2024	0	C!F17379
RCEP C	2025	2025	0	C!G17379
RCEP C	2026	2026	0	C!H17379

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17379
RCEP D	2022	2022	0	D!D17378
RCEP D	2023	2023	0	D!E17378
RCEP D	2024	2024	0	D!F17378
RCEP D	2025	2025	0	D!G17378
RCEP D	2026	2026	0	D!H17378
RCEP D	2027	2027	0	D!I17378
RCEP E	2022	2022	0	E!D17382
RCEP E	2023	2023	0	E!E17382
RCEP E	2024	2024	0	E!F17382
RCEP E	2025	2025	0	E!G17382
RCEP E	2026	2026	0	E!H17382
RCEP E	2027	2027	0	E!I17382
RCEP F	2022	2022	0	F!D17381
RCEP F	2023	2023	0	F!E17381
RCEP F	2024	2024	0	F!F17381
RCEP F	2025	2025	0	F!G17381
RCEP F	2026	2026	0	F!H17381
RCEP F	2027	2027	0	F!I17381
VIFTA	2024	2024	8	VI!F16297
VIFTA	2025	2025	6	VI!G16297
VIFTA	2026	2026	4	VI!H16297
VIFTA	2027	2027	2	VI!I16297

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9016.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 9016.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18055), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.